

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HSST

Ngày 18/9//2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành.

- Các hội thẩm nhân dân: 1, Ông Lê Đình Cự.

2, Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình..***

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia
phiên tòa: Bà Đào Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.***

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 57/2018/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/HSST-QĐ ngày 05/9/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1996

Nơi sinh và nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh.

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ tên bố đẻ: Nguyễn Văn A, sinh năm 1962; Mẹ đẻ: Trần Thị T1, sinh năm 1969.

Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con út.

Vợ, con: Chưa.

Tiền án: Không.

Tiền sự (có 01 tiền sự): Quyết định số 37 ngày 09/02/2018 của Ủy ban nhân dân xã Đ quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng. Ngày 10/5/2018 bị cáo chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường, thị trấn.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/6/2018 đến ngày 11/6/2018 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, trích xuất có mặt tại phiên tòa.

*** Người chứng kiến:**

1, Ông Phạm Việt C, sinh năm 1957 (*vắng mặt*)

Trú tại: Thôn C, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

2, Ông Đỗ Ngọc T2, sinh năm 1962 (vắng mặt)

3, Ông Vũ Đức K, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn T là đối tượng nghiện ma túy nên khoảng 18 giờ ngày 08/6/2018, T điều khiển xe mô tô BKS 17F2-6425 (xe T mượn của bố đẻ là ông Nguyễn Văn A, khi mượn xe T không nói cho ông A là T đi mua ma túy) từ nhà thôn Đ, xã Đ lên khu vực ngã tư Đ, xã M, huyện Đ nhờ người ma túy về sử dụng. Khi đến nơi T gặp một người đàn ông khoảng 40 tuổi không biết tên, tuổi, địa chỉ. Do đã vài lần mua ma túy của người này nên khi gặp, T bảo: “lấy cho em một cái” ý là bán cho T 01 gói ma túy. T lấy 120.000đồng đưa cho người này (01 tờ tiền mệnh giá 100.000đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 20.000đồng), người này cầm tiền và bảo T đứng chờ rồi điều khiển xe mô tô về hướng H khoảng 15 phút sau thì quay lại đưa cho T 01 gói nilon màu trắng được gắn kín, có nắp cài viền màu đỏ bên trong có 01 gói ma túy màu đen. T cầm gói ma túy bỏ vào túi quần bên phải đang mặc, T điều khiển xe mô tô vào hiệu thuốc tân dược ở mé đường không nhớ rõ địa điểm, không biết tên chủ hiệu thuốc mua 01 ống Nôvôcain, 01 bơm kim tiêm hết 5000đồng bỏ vào túi quần đang mặc rồi điều khiển xe mô tô về nhà. Khoảng 19 giờ cùng ngày T điều khiển xe mô tô đến khu vực ngã tư Trạm điện xã T thuộc thôn L, xã T, huyện Đ thì bị lực lượng Công an huyện Đông Hưng phối hợp với Công an xã T phát hiện bắt quả tang.

Công an huyện Đông Hưng đã mời người chứng kiến thu giữ trên người T: 01 gói nilon màu trắng kích thước 05x10cm được gắn kín, có nắp cài viền màu đỏ bên trong có 01 gói nilon màu đen, lượt tiếp theo được gói bằng giấy trắng kim màu trắng chứa chất bột màu trắng dạng cục; 01 ống Nôvôcain; 01 bơm kim tiêm tại túi quần bên phải T đang mặc và 01 xe mô tô BKS 17F2-6425.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo Nguyễn Văn T nhưng không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Tại bản kết luận giám định số 229/KLGĐ-PC54 ngày 09/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “Mẫu gửi giám định thu của Nguyễn Văn T là ma túy, loại hêrôin, có trọng lượng 0,1901 gam”.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng số 60/KSĐT ngày 27/8/2018 đã truy tố,

hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về áp dụng pháp luật và hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù giam và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Ngoài ra còn đề nghị HĐXX giải quyết về vật chứng, án phí của vụ án.

Bị cáo Nguyễn Văn T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các quy định của pháp luật giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 08/6/2018; Kết luận giám định số 229/KLGD-PC54 ngày 09/6/2018 và lời khai của những người chứng kiến ông Phạm Việt Cường; ông Đỗ Ngọc T2 và ông Vũ Đức K cùng toàn bộ các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ.

[2.1] Do vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã có hành vi xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về các chất gây nghiện nên khoảng 19 giờ ngày 08/6/2018 tại khu vực ngã tư Trạm điện thuộc thôn L, xã T, huyện Đ bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi tàng trữ 0,1901 gam ma túy, loại hêrôin với mục đích để sử dụng và bị bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

“Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy:

1: Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a.....

c. *Heroin, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;*

d.....”.

[2.2] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ: Đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước, gây mất trật tự an ninh an toàn xã hội. Ma túy còn là nguồn gốc phát sinh các loại bệnh tật ảnh hưởng đến giống nòi và thuần phong mỹ tục của dân tộc, kéo theo sự xuống cấp của đạo đức xã hội. Tác hại của việc sử dụng trái phép chất ma túy đối với xã hội là rất nặng nề và là nguồn gốc của nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Bị cáo có 01 tiền sự bị xử phạt hành chính bằng biện pháp giáo dục tại xã, phường, bị cáo đã nhận thức rõ tác hại, sự nguy hiểm của ma túy, nhưng vẫn không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân và lấy đó làm bài học mà vẫn có hành vi tàng trữ trái phép ma túy, coi thường pháp luật. Vì vậy cần lên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa tội phạm chung.

[2.3] Khi xem xét, cân nhắc hình phạt HĐXX thấy rằng:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về các tình tiết giảm nhẹ: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bổ đề bị cáo có nộp bản sao Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng nhất mang tên ông Nguyễn Văn Đ (là ông nội bị cáo) và đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo của ông Nguyễn Văn A (là bố đề bị cáo) nên HĐXX thấy rằng cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

Trên cơ sở xem xét đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ HĐXX thấy rằng cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã đề nghị là phù hợp.

[2.4] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bị

cáo tàng trữ trái phép chất ma túy không vì mục đích vụ lợi, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2.5] Trong vụ án này:

Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo khai mua của một người đàn ông khoảng 40 tuổi, không biết tên, tuổi, địa chỉ ở mé đường thuộc ngã tư Đ, xã M, huyện Đ. Cơ quan điều tra xác minh nhưng không xác định được người đàn ông trên là ai, ở đâu nên không có căn cứ xử lý là đúng pháp luật.

[3] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, tiêu hủy: 0,1679 gam ma túy hoàn trả lại sau giám định; 01 ống Nôvôcain; 01 bơm kim tiêm thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Đông Hưng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng ngày 27/8/2018.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Prety BKS 17F2-6425 là chiếc xe của ông Nguyễn Văn A (bố đẻ bị cáo T), khi cho T mượn xe ông A không biết T mượn xe đi mua ma túy. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Anh là phù hợp với pháp luật.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điều luật và hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 08/6/2018.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy: 0,1679 gam ma túy hoàn trả lại sau giám định; 01 ống Nôvôcain; 01 bơm kim tiêm thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Đông Hưng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng ngày 27/8/2018.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp Thái Bình;
- VKSND huyện Đông H- ng;
- THADS huyện Đông Hưng;
- Công an huyện Đông Hưng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Hoàng Văn Thành